Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Sinh Viên Tốt Nghiệp

Kèm theo quyết định số 673 **- Ký ngày** 21/4/2009

Học Kỳ 2 - Năm Học 08-09

Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Nơi sinh	ĐTB	TC	Xếp loại	Văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ
1	02111088	NGUYỄN THANH	HIẾU	04/08/84	DH02CN	Quảng Ngãi	6.08	222	TB Khá			08/2009
2	02112134	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	25/04/80	DH03TY	Lâm Đồng	5.90	252	Trung Bình			09/2009
3	02113081	HOÀNG VĂN	MINH	12/04/84	DH02TY	Nam Dinh	6.11	252	TB Khá			10/2009
4	02113230	NGUYỄN THỊ	MINH	21/01/83	DH02NHA	Hải Dương	5.89	231	Trung Bình			11/2009
5	02119011	NGUYỄN TỊNH	ĐỨC	20/10/83	DH03DTM	Quảng Ngãi	6.21	217	TB Khá			12/2009
6	02120087	TRỊNH THỊ KHOA	SINH	04/04/83	DH02KT	Gia Lai	6.38	236	TB Khá			13/2009
7	02120164	HUỲNH THỊ MỸ	NGÂN	14/04/84	DH02KT	Gia Lai	6.39	236	TB Khá			14/2009
8	02124110	MAI THANH	HẢI	08/12/84	DH02QL	Bà Rịa - VT	5.97	217	Trung Bình			15/2009
9	02124113	NGUYỄN PHÚ	VIỆT	29/06/82	DH02QL		5.17	217	Trung Bình			16/2009
10	02126058	PHẠM TIẾN	LỢI	08/02/80	DH02SH		6.01	222	TB Khá			17/2009
11	02130064	NGUYỄN MINH	QUỐC	29/08/82	DH03DTH	Bình Dương	5.99	217	Trung Bình			18/2009
12	02130100	LÊ ANH	TUẤN	27/11/84	DH03DTH	Lâm Đồng	6.02	218	TB Khá			19/2009
13	02130118	KHƯƠNG QUỐC	DUY	27/04/84	DH03DTM	Quảng Nam	5.86	217	Trung Bình			20/2009
14	02130145	ĐÀO DUY	ĐỊNH	03/01/83	DH03DTH	Đồng Nai	5.86	217	Trung Bình			21/2009
15	02132134	ĐẶNG HẢI	ĐĂNG	15/07/84	DH02SP	Đồng Nai	6.27	229	TB Khá			22/2009
16	03112027	VÕ THỊ HẢI	LINH	27/03/84	DH03TY	Bình Thuận	6.67	251	TB Khá			23/2009
17	03112028	TRẦN THÁI	LONG	04/02/85	DH03TY	Tây Ninh	5.92	251	Trung Bình			24/2009
18	03120115	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	25/07/84	DH04KT	Gia Lai	6.25	217	TB Khá			25/2009
19	03122076	VÕ THANH	TÚ	/ /83	DH03QT	Tây Ninh	6.76	204	TB Khá			26/2009
20	03124006	LÂM TẤN	ĐẠT	09/10/83	DH03QL	Cà Mau	5.89	225	Trung Bình			27/2009
21	03124009	VŨ TRƯỜNG	GIANG	27/12/81	DH03QL	Bắc Ninh	6.08	225	TB Khá			28/2009

Danh Sách Sinh Viên Tốt Nghiệp

Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Nơi sinh	ĐTB	TC	Xếp loại	Văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ
22	03124012	VÕ NHẬT	HẢO	08/10/84	DH03QL	Quảng Ngãi	6.87	225	TB Khá			29/2009
23	03125050	LÂM QUỲNH	NHƯ	30/07/85	DH04BQA	Bến Tre	7.16	218	Khá			30/2009
24	03125070	HÀ DUY	TÙNG	21/05/85	DH04BQA	Bình Định	6.33	215	TB Khá			31/2009
25	03125080	HOÀNG TRỌNG	TUẤN	08/03/83	DH04BQB	Bình Thuận	6.27	216	TB Khá			32/2009
26	03126049	NGÔ QUANG	SƠN	16/08/84	DH03SH	Phú Yên	6.18	221	TB Khá			33/2009
27	03126070	TRẦN THIỆN	TRÍ	08/05/85	DH03SH	Lâm Đồng	6.25	221	TB Khá			34/2009
28	03130002	LÊ HOÀNG	ÂN	10/07/86	DH03DTM	Đồng Tháp	6.22	218	TB Khá			35/2009
29	03130036	ĐẶNG THỊ GIA	LOAN	03/05/83	DH03DTH	Dăk Lăk	5.89	220	Trung Bình			36/2009
30	03130046	DƯƠNG THỦY	NGUYÊN	30/06/85	DH03DTM	Đồng Tháp	6.69	218	TB Khá			37/2009
31	03130096	NGUYỄN TẤN	VŨ	15/12/82	DH04DTM	Quảng Ngãi	5.96	218	Trung Bình			38/2009
32	03130097	TRẦN MINH	VỸ	14/01/85	DH04DTM	Đồng Nai	5.98	212	Trung Bình			39/2009
33	03134033	PHAN VĂN	MINH	24/02/83	DH03GB	Vĩnh Long	5.97	239	Trung Bình			40/2009
34	03135030	ĐOÀN ĐĂNG	KHOA	10/06/78	DH03TB	Khánh Hòa	6.22	225	TB Khá			41/2009
35	03135048	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	10/01/84	DH03TB	Long An	6.24	225	TB Khá			42/2009
36	03135083	PHẠM MINH	TUẤN	13/03/85	DH03TB	Bà Rịa VT	6.92	225	TB Khá			43/2009
37	03135086	ĐẶNG NGUYÊN	VŨ	22/03/83	DH03TB	Phú Yên	6.34	225	TB Khá			44/2009
38	04111001	TRẦN NGUYỄN THƯ	ÁI	17/10/86	DH04CN	Đồng Nai	6.21	220	TB Khá			45/2009
39	04111004	TRẦN THỊ THÁI	BÌNH	26/10/85	DH04CN	TP Hồ Chí MInh	6.25	220	TB Khá			46/2009
40	04111011	LÃ THỊ THANH	HUYỀN	28/04/86	DH04CN	Nam Định	6.16	220	TB Khá			47/2009
41	04111032	HỒ VĂN	TÀI	20/06/84	DH04CN	Nghệ An	6.36	220	TB Khá			48/2009
42	04111075	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	08/11/84	DH04CN	Hà Tây	5.98	220	Trung Bình			49/2009
43	04114040	ĐẶNG ĐÌNH	THANH	16/04/86	DH04LN	Nghệ An	6.07	212	TB Khá			50/2009
44	04115011	ĐỖ BÁ	TOÀN	18/02/85	DH04CB	Gia Lai	6.25	213	TB Khá			51/2009
45	04115012	BÙI THỊ TRÚC	VY	20/09/85	DH04CB	Gia Lai	6.60	213	TB Khá			52/2009

Danh Sách Sinh Viên Tốt Nghiệp

Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Nơi sinh	ĐTB	TC	Xếp loại	Văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ
46	04115014	TRẦN VĂN	ĐỊNH	15/01/85	DH04CB	Bình Định	6.48	213	TB Khá			53/2009
47	04115022	HOÀNG MINH	HÀ	02/10/86	DH04CB	Đồng Nai	6.37	213	TB Khá			54/2009
48	04115028	NGUYỄN TIẾN	LÂN	12/01/85	DH04CB	Quảng Bình	6.26	213	TB Khá			55/2009
49	04115042	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	THÀNH	15/06/84	DH04CB	Quảng Ngãi	6.26	213	TB Khá			56/2009
50	04115045	TRẦN NGỌC	THIẾT	03/03/85	DH04CB	Gia Lai	6.00	213	TB Khá			57/2009
51	04115051	NGUYỄN HIỂN	VINH	03/12/85	DH04CB	Đà Nẵng	6.20	213	TB Khá			58/2009
52	04115056	NGUYỄN THỊ	HÒA	05/04/85	DH04CB	Hà Tĩnh	6.89	213	TB Khá			59/2009
53	04115063	NGUYỄN TRỌNG	HỮU	13/02/86	DH04CB	Đồng Nai	6.12	213	TB Khá			60/2009
54	04115065	NGUYỄN NGỌC	KHOA	10/08/84	DH04CB		5.87	213	Trung Bình			61/2009
55	04115067	TRƯƠNG QUỐC	TÂN	01/01/85	DH04CB	Khánh Hòa	6.18	213	TB Khá			62/2009
56	04115069	CẤN SƠN	TÙNG	08/11/86	DH04CB	TP.HCM	6.29	213	TB Khá			63/2009
57	04118012	TRẦN VĂN	NGHIỆP	/ /85	DH04CK	Tiền Giang	5.94	225	Trung Bình			64/2009
58	04118024	NGUYỄN DUY	KHÁNH	05/03/85	DH04CK	Tây Ninh	6.69	225	TB Khá			65/2009
59	04120047	NGUYỄN HẢI	SƠN	20/01/85	DH04KT	Bình Định	7.01	209	Khá			66/2009
60	04120048	PHIS RÔNH	SƠN	12/06/84	DH04KT	Lâm Đồng	6.02	205	TB Khá			67/2009
61	04120059	HUỲNH THỊ KIỀU	THU	25/12/86	DH04KT	Quảng Ngãi	6.31	205	TB Khá			68/2009
62	04122060	NGUYỄN KHÁNH	LY	01/03/85	DH04QT	Cà Mau	7.04	212	Khá			69/2009
63	04122091	NGUYỄN MẬU DUY	QUANG	27/03/84	DH04QT	Quảng Ngãi	6.25	212	TB Khá			70/2009
64	04122101	PHẠM VĂN	THÀN	26/05/85	DH04QT	Lâm Đồng	7.07	212	Khá			71/2009
65	04123011	VŨ MẠNH	CƯỜNG	04/08/84	DH04KE	Hải Phòng	6.40	204	TB Khá			72/2009
66	04123013	BÙI THỊ HOA	DIỄM	01/12/86	DH04KE	Tây Ninh	6.88	204	TB Khá			73/2009
67	04123015	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	11/08/85	DH04KE	Gia Lai	6.49	205	TB Khá			74/2009
68	04123033	TRẦN DUY	KHÁNH	04/04/85	DH04KE	Hà Tĩnh	6.39	204	TB Khá			75/2009
69	04123072	ĐÀO NGỌC	THANH	28/06/86	DH04KE	Hà Nội	6.36	204	TB Khá			76/2009

Danh Sách Sinh Viên Tốt Nghiệp

Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Nơi sinh	ĐTB	TC	Xếp loại	Văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ
70	04123094	VƯƠNG QUỐC	TƯỜNG	04/06/84	DH04KE	Bình Phước	6.50	204	TB Khá			77/2009
71	04123096	ĐẶNG THỊ CẨM	VÂN	05/06/85	DH04KE	Long An	6.76	204	TB Khá			78/2009
72	04123099	PHẠM THỊ HỒNG	VÂN	10/01/86	DH04KE	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.74	204	TB Khá			79/2009
73	04123108	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	12/10/86	DH04KE		7.61	222	Khá			80/2009
74	04124006	TẠ NGỌC	CHUYÊN	11/04/82	DH04QL	Hà Tây	6.12	216	TB Khá			81/2009
75	04124012	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	11/05/84	DH04QL	TP.HCM	6.41	216	TB Khá			82/2009
76	04124035	CHÂU TƯỜNG	LÂN	13/02/86	DH04QL	Tiền Giang	6.26	216	TB Khá			83/2009
77	04124042	ĐINH QUANG ANH	LỘC	07/07/86	DH04QL	TPHCM	6.28	216	TB Khá			84/2009
78	04124047	PHẠM THỊ GIANG	NAM	10/12/85	DH04QL	Quảng Ngãi	6.80	216	TB Khá			85/2009
[redacted]												
80	04124082	LÊ THỊ THANH	TỊNH	14/05/85	DH04QL	Qui Nhơn	5.88	216	Trung Bình			87/2009
81	04126005	NGUYỄN THÀNH	DANH	01/03/86	DH04SH	TPHCM	5.92	213	Trung Bình			88/2009
82	04126072	LÊ THỊ NHƯ	THẢO	10/04/85	DH04SH	Tiền Giang	6.06	213	TB Khá			89/2009
83	04127004	ĐOÀN TÍ	CANG	30/06/85	DH04MT	Bình Định	6.32	212	TB Khá			90/2009
84	04127011	NGUYỄN XUÂN	DIỆU	01/01/84	DH04MT	Quãng Ngãi	6.37	212	TB Khá			91/2009
85	04127014	LÊ QUANG	DUY	28/11/86	DH04MT	Sông Bé	6.59	212	TB Khá			92/2009
86	04127015	VÕ THỊ KỲ	DUYÊN	18/11/86	DH04MT	Quãng Ngải	6.93	212	TB Khá			93/2009
87	04127018	HUỲNH KHẮC	ĐIỆP	24/12/84	DH04MT	Bình Thuận	6.66	212	TB Khá			94/2009
88	04127028	LÂM VĂN	HIỀN	20/08/85	DH04MT	Đồng Nai	6.51	212	TB Khá			95/2009
89	04127043	PHẠM THỊ QUỲNH	LOAN	11/08/87	DH04MT	DakLak	6.47	212	TB Khá			96/2009
90	04127049	CAO THỊ THÙY	NGUYÊN	13/11/85	DH04MT	Tp Hồ Chí Minh	7.01	212	Khá			97/2009
91	04127069	NGUYỄN VĂN	TRONG	10/05/84	DH04MT	Bình Định	6.06	212	TB Khá			98/2009
92	04127071	NGUYỄN VĂN	TUẤN	12/10/85	DH04MT	Hà Tây	7.35	212	Khá			99/2009
93	04128009	VÕ THỊ KIM	CÚC	12/10/86	DH04AVG	TP.HCM	6.14	213	TB Khá			100/2009

Danh Sách Sinh Viên Tốt Nghiệp

Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Nơi sinh	ĐTB	TC	Xếp loại	Văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ
118	04130062	NGÔ XUÂN	THUẤN	15/05/84	DH04DTM	Tây Ninh	5.89	210	Trung Bình			125/2009
119	04130066	HUỲNH VĂN	TÍN	02/03/85	DH04DTM	Bình Định	5.82	210	Trung Bình			126/2009
120	04130067	NGUYỄN THỊ MỸ	TRANG	03/12/85	DH04DTH	Bình Định	6.37	210	TB Khá			127/2009
121	04130069	LÊ TRỌNG MINH	TRÍ	16/11/84	DH04DTM	Khánh Hoà	6.08	210	TB Khá			128/2009
122	04130082	NGUYỄN THỊ KIM	VY	24/10/86	DH04DTM	Đồng Nai	5.95	210	Trung Bình			129/2009
123	04130086	NGUYỄN ANH	CƯƠNG	22/12/86	DH04DTH	Phú Thọ	6.01	210	TB Khá			130/2009
124	04130092	VŨ DUY	HIỂN	05/10/85	DH04DTM	Đồng Nai	6.31	210	TB Khá			131/2009
125	04130122	NGUYỄN HOÀI	LINH	03/06/86	DH04DTH	Hà Tây	6.37	210	TB Khá			132/2009
126	04131007	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	01/09/86	DH04CH	khánh Hoà	6.94	213	TB Khá			133/2009
[redacted]												
128	04135061	NGUYỄN MINH TƯỜNG	LÂN	26/03/85	DH04TB	TT Huế	6.83	221	TB Khá			135/2009
129	04139020	NGUYỄN VY	HẢI	06/11/84	DH04HH	TPHCM	6.49	224	TB Khá			136/2009
130	04139030	NGUYỄN THỤY DIỄM	LINH	23/12/86	DH04HH	Vĩnh Long	7.44	224	Khá			137/2009
131	04139032	TRƯƠNG VĂN	LỢI	25/05/85	DH04HH	Bình Định	6.49	224	TB Khá			138/2009
132	04139038	NGUYỄN THỊ	MƠ	24/02/85	DH04HH	Thái Bình	6.14	224	TB Khá			139/2009
133	04139058	HUỲNH THỊ THÙY	TRANG	15/04/84	DH04HH	Bình Dương	6.70	224	TB Khá			140/2009
134	04139061	NGUYỄN THỊ THU	TRINH	20/10/85	DH04HH	Tây Ninh	6.33	224	TB Khá			141/2009
135	04141002	LÂM BẠCH HOÀNG	ANH	29/10/86	DH04NY	Long An	6.36	222	TB Khá			142/2009
136	04141033	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	08/12/84	DH04NY	Hải Dương	6.44	224	TB Khá			143/2009
137	04143066	LÊ THỊ KIM	TUYẾN	30/04/85	DH04KM	Đồng Nai	6.79	206	TB Khá			144/2009

TP.HCM, Ngày 26 tháng 03 năm 2009

Trưởng Khoa/BM (ds đính kèm)

Trưởng Phòng Đào tạo

Hiệu trưởng